TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **81**/2022/KDTM-ST Ngày 14 tháng 7 năm 2022 *V/v : Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA Đ, THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phùng Ngọc Toàn và bà Nguyễn Thị Thụy**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đ tham gia phiên Tòa: **Bà Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sở thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2022 về: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXX-KDTM ngày 30/5/2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 124/2022/QĐ-HPT ngày 22/6/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty cổ phần tập đoàn H**

Địa chỉ: Số B48 L, Khu đấu giá quyền sử dụng đất 3H, phường P, quận B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Ngọc H1** - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV S - do ông *Phạm Hồng S1*, Giám đốc - đại diện pháp luật; (Theo giấy ủy quyền ngày 01/4/2021); Bà Bùi Thu H2 và ông Trần Văn V là đại diện theo ủy quyền theo Quyết định v/v phân công giải quyết công việc số 0156/QĐ-SLC ngày 15/6/2022 của Công ty Luật TNHH MTV S

*** Bị đơn: Công ty TNHH Kỹ Nghệ A**

Địa chỉ: Số 8, ngõ 117 H, phường N, quận B, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Tống Kim T** – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông ***Bùi Văn Đ*** (theo giấy ủy quyền ngày 01/6/2022)

(ông V, ông Đ có mặt, bà H2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Công ty Cổ phần tập đoàn H là ông Hoàng Ngọc H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/01/2021, Công ty Cổ phần tập đoàn H (sau đây gọi tắt là: Công ty H) và Công ty TNHH Kỹ Nghệ A (sau đây gọi tắt là Công ty A) cùng nhau ký kết Hợp đồng kinh tế số: ATA/247H/20012021 với nội dung: Công ty H mua máy cắt rập FT1512 (Máy mới 100% sản xuất tại T) của Công ty A, tổng giá trị của máy cắt rập FT1512 được ghi trong hợp đồng là **114.642.000 đồng** (giá bao gồm VAT).

Ngay sau khi kết Hợp đồng trên, ngày 22/01/2021, Công ty H đã thanh toán cho Công ty A số tiền là **114.642.000 đồng** bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 110601275445 - Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh T. Công ty A cũng đã xuất hóa đơn GTGT số 0000691 tương ứng cho Công ty H.

Theo quy định tại Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021, khi bên mua (Công ty H) thanh toán xong 100% tổng toàn bộ giá trị hóa đơn thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bên bán (Công ty A) phải giao hàng cho bên mua và lắp đặt chuyển giao công nghệ. Trường hợp sau 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng mà bên bán không giao hàng cho bên mua, bên mua có quyền hủy hợp đồng. Như vậy là lẽ ra đến ngày 01/02/2021 thì Công ty A phải thực hiện Hợp đồng trên cho Công ty H, nhưng Công ty A đã không thực hiện, không giao hàng cho Công ty H.

Sau đó Công ty H có liên lạc với đại diện theo pháp luật Công ty A nhưng không liên lạc được. Ngày 09/3/2021, Công ty A (đã đánh máy nhầm năm thành 2020), có công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2020 về việc "Thực hiện HĐKT ATA/247H/20012021" Công ty A thông báo với Công ty H là không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng trên và đề nghị Công ty H cho phương án giải quyết.

Ngày 11/3/2021, Công ty H cũng đã có Công văn đề nghị Công ty A giải quyết bằng một trong các phương án cụ thể như sau:

1. Trả lại 100% số tiền cho Công ty H đã chuyển cho Công ty A để mua hàng, trả lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng tại thời điểm Công ty H chuyển tiền, làm biên bản hủy hoặc thanh lý hợp đồng hoặc

2. Trả máy cắt FT1502 cho Công ty H và hỗ trợ lắp đặt cho khách hàng của Công ty H.

Sau khi nhận được Công văn của Công ty H thì đại diện theo pháp luật của Công ty A - anh Thanh có gọi điện cho Công ty H nói rằng Công văn của Công ty H mập mờ, lừa đảo. Sau đó hai bên không gặp gỡ, làm việc được với nhau do đó, Công ty H đã khởi kiện ra Tòa để giải quyết.

Nay Công ty H đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết các yêu cầu sau:

1.- Buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H số tiền đã chuyển mua máy là: 114.642.000 đồng

2.- Lãi do việc chậm trả phát sinh từ số tiền: 114.642.000 đồng theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội tính từ thời điểm bên Công ty H chuyển khoản cho Công ty A là ngày 22/01/2021 đến thời điểm Tòa án giải quyết.

- Căn cứ pháp lý để Công ty H yêu cầu tính lãi là theo quy định tại Điều 306 Luật Thương Mại 2005, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì Công ty 247H tạm tính như sau:

Tổng số tiền nợ gốc x lãi suất 9%/năm x thời gian từ ngày 22/01/2021 đến ngày 30/5/2022. Cụ thể:

114.642.000 đồng x 9%/năm x 16 tháng 08 ngày = 13.936.070 đồng**.**

Tổng số tiền gốc và lãi mà Công ty A phải thanh toán cho Công ty CP Tập đoàn H tính đến ngày 30/5/2022 là: **128.578.070 đồng**

**** Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:***

- Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết đối trừ các khoản nợ mà người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Công ty H còn nợ bị đơn vào khoản tiền mà bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn theo Hợp đồng kinh tế ngày 20/01/2021, thì nguyên đơn có ý kiến như sau:

- Công ty H xác nhận: Trước đây người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Hoàng Ngọc H1 có vay Công ty A số tiền 100.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số ATA/HLVN/30122020 ngày 30/12/2020, tuy nhiên thời điểm vay thì ông H1 đang làm phó giám đốc của Công ty A, và đây là khoản vay cá nhân của ông H1, không liên quan đến Công ty H.

- Khoản tiền 220.000.000 đồng, công ty A chuyển khoản cho ông Hoàng Ngọc H1 vay, ông H1 đã thanh toán trả 142.400.000 đồng, còn lại là 77.600.000 đồng, theo bản sao kê ngày 14/01/2021 của Ngân hàng B là khoản tiền xuất phát từ quan hệ lao động giữa ông H1 và công ty A như: Tiền lương, tiền thưởng, chiết khấu,trong thời gian ông H1 còn làm việc tại công ty A.

Cả 02 khoản tiền mà bị đơn đề cập đến là khoản tiền giữa cá nhân ông Hoàng Ngọc H1-đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần tập đoàn H với Công ty A, không liên quan đến Hợp đồng kinh tế ngày 20/01/2021 giữa Công ty Cổ phần tập đoàn H và Công ty A, đề nghị giải quyết bằng vụ án khác. Nguyên đơn không đồng ý đối trừ nghĩa vụ của các khoản tiền này vì yêu cầu phản tố của Công ty A nêu trên là không phù hợp, không phát sinh trực tiếp tại Hợp đồng kinh tế giữa 2 bên đã ký kết. Đề nghị Tòa án nhân dân quận B đình không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty A.

**** Tại phiên Tòa:***

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết và lý giải rằng hai bên chỉ thỏa thuận qua điện thoại về thời gian giao hàng, nên nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao hàng vào thời gian nào và sau khi bị đơn có Công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2021 thì nguyên đơn cũng không có phản hồi bằng văn bản cho bị đơn mà chỉ có đại diện theo pháp luật của 2 công ty giao dịch trao đổi bằng điện thoại di động với nhau. Việc ông Tống Kim T đại diện theo pháp luật của Công ty A trình bày rằng ông T có gọi điện cho ông Hoàng Ngọc H1-đại diện theo pháp luật của Công ty H yêu cầu ông H1 trả nợ cho Công ty A số tiền 177.600.000 đồng và đối trừ vào khoản tiền hàng mà công ty A phải thanh toán trả cho Công ty H thì bị đơn không nắm được và đó là việc các nhân giữa ông T và ông H1.

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H số tiền hàng đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 là: 114.642.000 đồng

2. Buộc Công ty A phải trả lãi do việc chậm trả phát sinh từ số tiền: 114.642.000 đồng .

- Căn cứ tính lãi: Nguyên đơn căn cứ vào Điều 306 Luật Thương Mại 2005, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC để tính lãi và lẽ ra nguyên đơn phải thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm Tòa án xét xử, nhưng nguyên đơn chưa thu thập được và tự nguyện tính lãi suất là 10 % / năm. Trường Hợp Hội đồng xét xử thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử có cao hơn thì nguyên đơn vẫn tự nguyện chỉ tính lãi suất là 10% / năm.

Về thời điểm trả lãi: Nguyên đơn đề nghị tính lãi từ thời điểm nguyên đơn đã chuyển khoản tiền cho bị đơn (ngày 22/01/2021) cho đến thời điểm Tòa án xét xử so thẩm là ngày 14/7/2022. Tuy nhiên sau khi kết thúc phần hỏi đáp tranh tụng giữa các bên đương sự, nguyên đơn thay đổi về thời hạn tính lãi đối với số tiền bị đơn chậm thanh toán là từ ngày bị đơn có Công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2021 xác nhận không giao được hàng hóa theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021, cụ thể nguyên đơn tạm tính:

114.642.000 đồng x 10%/năm x 16 tháng 05 ngày = 15.233.252 đồng.

- Việc tại phiên Tòa bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố thì đó là quyền của bị đơn, nguyên đơn không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định.

**** Tại đơn yêu cầu phản tố, bản tự khai cùng các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Kỹ Nghệ A do ông Tông Kim T và ông: Bùi Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Công ty TNHH Kỹ Nghệ A (sau đây gọi tắt là Công ty A) xác nhận có ký Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 với nội dung đúng như phái nguyên đơn trình bày, Công ty A không có bổ sung gì thêm.

Công ty A xác nhận đã nhận số tiền là 114.642.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản từ phía Công ty Cổ phần tập đoàn H (sau đây gọi tắt là: Công ty H).

Công ty A cũng xác nhận là theo Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021 trong thời hạn 10 ngày Công ty A phải giao hàng hóa cho Công ty H như đã ký kết trong hợp đồng. Tuy nhiên do có sự nhầm lẫn mặt hàng từ phía sản xuất nên đến thời hạn phải giao hàng thì Công ty A đã không giao hàng cho công ty H được. Do có sự nhầm lẫn hàng hóa như vậy, nên ông Thanh là đại diện theo pháp luật của Công ty A có trực tiếp gọi điện cho ông Hà - đại diện theo pháp luật của Công ty H với nội dung là hàng hóa của Công ty A không đảm bảo chất lượng, nên không giao hàng được, nhưng ông H1 lại chửi bới ông T, vì thế ông T không nghe máy nữa.

Ngày 09/3/2021, Công ty A công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2020 (xác nhận là đã đánh nhầm năm thành 2020), về việc "Thực hiện HĐKT ATA/247H/20012021" , qua đó Công ty A đã thông báo với Công ty H là không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng trên và đề nghị Công ty H cho phương án giải quyết, nội dung công văn đúng như nguyên đơn trình bày.

Ngày 11/3/2021, Công ty A có nhận được Công văn của Công ty H. Sau đó đại diện theo pháp luật của Công ty A và Công ty H là ông Tống Kim T và ông Hoàng Ngọc H1 có trao đổi nói chuyện, ông T yêu cầu anh H1 hoàn trả số tiền 177.600.000 đồng gồm:

- Số tiền 100.000.000 đồng ông H1 vay của Công ty A, số tiền này là tiền khách hàng thanh toán theo Hợp đồng kinh tế số ATA/HLVN/30122020 ngày 30/12/2020 do ông H1 lúc đó là phó Giám đốc của Công ty A nhận về nhưng vay lại Công ty A.

- Số tiền 77.600.000 đồng là số tiền ông H1 còn nợ Công ty A theo bản sao kê của Ngân hàng B thì ngày 14/01/2021, ông H1 vay của Công ty A số tiền 220.000.000 đồng và được Công ty A chuyển khoản cho ông H1. Ngày 15/01/2021,ông H1 đã chuyển khoản trả lại cho Công ty A số tiền 142.400.000 đồng. Như vậy số tiền còn nợ lại là 77.600.000 đồng

Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty A, bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 114.642.000 đồng và lãi châm trả, như nguyên đơn tạm tính đến ngày 30/5/2022 là 128.578.070 đồng.

*** Về yêu cầu phản tố:** Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc nguyên đơn: Công ty H phải trả lại Công ty A số tiền ông Hoàng Ngọc H1 còn nợ của Công ty A như sau:

- Ông Hoàng Ngọc H1 - đại điện theo pháp luật của Công ty H có vay của Công ty A số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này ông H1 vay khi ông H1 còn làm phó giám đốc Công ty A, ông H1 có cầm khoản tiền này là do khách hàng trả tiền cho Công ty A theo Hợp đồng kinh tế số ATA/HLVN/30122020 ngày 30/12/2020, ông H1 vay để giải quyết việc riêng.

- Ngày 14/01/2021, ông Hoàng Ngọc H1 vay của giữ của công ty A số tiền 220.000.000 đồng , Công ty A đã chuyển khoản cho ông H1 vay theo bản sao kê của Ngân hàng B . Ngày 15/01/2021, ông H1 đã thanh toán trả 142.400.000 đồng cho, còn lại là 77.600.000 đồng.

Tổng cộng 2 khoản tiền ông H1 còn nợ Công ty A là: 177.600.000 đồng .

Bị đơn đưa ra phương án hòa giải: Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H số tiền theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 tạm tính đến ngày 30/5/2022 là: 128.578.070 đồng, như Vậy ông Hoàng Ngọc H1 phải hoàn trả cho Công ty A số tiền là: 49.445.949 đồng

* ***Tại phiên Tòa:***

- Bị đơn xác nhận trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn số tiền hàng đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 là: 114.642.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn khoản tiền chạm trả của số tiền hàng gốc là : 114.642.000 đồng, tuy nhiên về lãi suất và thời gian tính lãi suất bị đơn không đồng ý vì theo bị đơn hai bên không có văn bản giao kết cụ thể về thời điểm giao hàng mà chỉ thỏa thuận miệng trên điện thoại với nhau, nên việc tính lãi chậm trả tiền phải được tính từ ngày bị đơn có văn bản xác nhận không giao được hàng cho nguyên đơn là đúng hoặc sau ngày 09/3/2021; Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về việc nguyên đơn tự nguyện tính lãi là 10 % / năm;

- Bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố vì xác định các khoản tiền theo yêu cầu phản tố là khoản vay giữa cá nhân ông H1 với Công ty A, không liên quan đến Hợp đồng kinh tế giữa nguyên đơn và bị đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng*:**

**Về tố tụng*: -Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* *Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:*

-Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật Thương mại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số

tiền đặt hàng theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 là **114.642.000 đồng**.

- Về số tiền lãi: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn, ngày tính lãi là ngày 14/3/2021 là sau 03 ngày khi bị đơn có công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2021 gửi nguyên đơn.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn do tại phiên Tòa bị đơn rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**** Về tố tụng:***

- Công ty Cổ phần tập đoàn H được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần , có mã số doanh nghiệp 0109486726, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2021 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội.

- Công ty TNHH Kỹ Nghệ A được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, có mã số doanh nghiệp 0107083513, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2015 của Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội.

- Tòa án thụ lý vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp: "Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021" giữa Công ty Cổ phần tập đoàn H và Công ty TNHH Kỹ Nghệ A . Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là tranh chấp phát sinh trong hoạt động Kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, cụ thể là: "Tranh chấp về Hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Luật Thương mại năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điều 8 của Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021, thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án kinh tế Hà Nội có thẩm quyền giải quyết. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty TNHH Kỹ Nghệ A có địa chỉ trụ sở chính tại: Số 8, ngõ 117 H, phường N, quận B, thành phố H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án đã thụ lý theo quy định tại Điều 200 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

**** Về nội dung:***

[1]. Ngày 20/01/2021, Công ty Cổ phần tập đoàn H (sau đây gọi tắt là: Công ty H) và Công ty TNHH Kỹ Nghệ A (sau đây gọi tắt là Công ty A) cùng nhau ký kết Hợp đồng kinh tế số: ATA/247H/20012021 với nội dung: Công ty H mua máy cắt rập FT1512 (Máy mới 100% sản xuất tại Trung Quốc) của Công ty A, tổng giá trị của máy cắt rập FT1512 được ghi trong hợp đồng là **114.642.000 đồng** (giá bao gồm VAT).

- Theo quy định tại Hợp đồng kinh tế số ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 thì ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng, bên mua (Công ty H) phải thanh toán 100% giá trị Hợp đồng số tiền là 114.642.000 đồng, bên bán hải giao hàng tại địa chỉ và thời gian mà bên mua yêu cầu.

- Thực hiện Hợp đồng nói trên, ngày 22/01/2021, Công ty H đã thanh toán cho Công ty A số tiền là **114.642.000 đồng** bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 110601275445 - Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh T. Công ty A cũng đã xuất hóa đơn GTGT số 0000691 tương ứng cho Công ty H. Tuy nhiên Công ty A đã không thực hiện, không giao hàng cho Công ty H.

- Sau đó Công ty H có liên lạc với đại diện theo pháp luật Công ty A nhưng không liên lạc được. Ngày 09/3/2021, Công ty A (đã đánh máy nhầm năm thành 2020), có Công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2020 về việc "Thực hiện HĐKT ATA/247H/20012021" Công ty A thông báo với Công ty H là không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng trên và đề nghị Công ty H cho phương án giải quyết.

- Ngày 11/3/2021, Công ty H cũng đã có Công văn đề nghị Công ty A giải quyết bằng một trong các phương án cụ thể như sau:

1. Trả lại 100% số tiền cho Công ty CP H đã chuyển cho Công ty A để mua hàng, trả lãi suất cho vay theo quy định của ngân hàng tại thời điểm Công ty H chuyển tiền, làm biên bản hủy hoặc thanh lý hợp đồng hoặc

2. Trả máy cắt FT1502 cho Công ty 247H và hỗ trợ lắp đặt cho khách hàng của Công ty 247H.

Thời gian thực hiện trả tiền hoặc trả lại máy trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được công văn này.

Sau khi nhận được Công văn của Công ty H thì đại diện theo pháp luật của Công ty A có gọi điện cho Công ty H nói rằng Công văn của Công ty H mập mờ, lừa đảo. Sau đó hai bên không gặp gỡ, làm việc được với nhau do đó, Công ty H đã khởi kiện ra Tòa đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết: Buộc Công ty A phải hoàn trả cho Công ty H số tiền mua hàng đã chuyển mua là: 114.642.000 đồng và tiền lãi do chậm trả phát sinh từ số tiền: 114.642.000 đồng tính từ thời điểm bên Công ty H chuyển khoản cho Công ty A là ngày 22/01/2021 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất mà nguyên đơn tự nguyện tính là 10% năm.

[2]. Về phía bị đơn: Công ty A xác nhận có ký kết Hợp đồng Kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 với nội dung đúng như nguyên đơn trình bày. Công ty A xác nhận đã nhận số tiền là 114.642.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản từ phía Công ty H, nhưng do có sự nhầm lẫn mặt hàng từ phía sản xuất, nên đến thời hạn phải giao hàng thì Công ty A đã không giao hàng cho công ty H được, vì vậy người đại diện theo pháp luật của Công ty A có trực tiếp gọi điện cho đại diện theo pháp luật của Công ty H với nội dung là hàng hóa của Công ty A không đảm bảo chất lượng nên không giao được. Đến ngày 09/3/2021, Công ty A công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2021 về việc "Thực hiện HĐKT ATA/247H/20012021" Công ty A đã thông báo với Công ty H là không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng trên và đề nghị Công ty H cho phương án giải quyết. Công ty A xác nhận ngày 11/3/2021 có nhận được Công văn của Công ty H. Sau đó hai bên có trao đổi nói chuyện nhưng không thông nhất được phương án giải quyết.

[3]. ***Xét Hợp đồng Kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021:***

Ngày 20/01/2021, Công ty H và Công ty A cùng nhau ký kết Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 với nội dung:

Công ty H mua máy cắt rập FT1512 (Máy mới 100% sản xuất tại Trung Quốc) của Công ty A, tổng giá trị của máy cắt rập FT1512 được ghi trong hợp đồng là **114.642.000 đồng** (giá bao gồm VAT).

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 được nguyên đơn và bị đơn ký kết trên có sở tự nguyện, Hợp đồng có tựa đề là Hợp đồng kinh tế nhưng nội dung thể hiện là Hợp đồng mua bán hàng hóa và hai bên có quy định về số lượng và loại sản phẩm, đơn giá, xuất xứ hàng hóa, phương thức thanh toán và thời hạn giao hàng, vận chuyển- bốc xếp… các bên thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng mua bán. Nội dung Hợp đồng mua bán có đầy đủ các điều khoản theo quy định chung của Luật Thương mại và Bộ luật Dân sự. Vì vậy Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021giữa Công ty H và Công ty A là có thật và hợp pháp, có giá trị để hai bên thực hiện.

[4]. ***Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền hàng đã thanh toán theo Hợp đồng Kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021:***

Theo nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 được ký kết giữa Công ty H và Công ty A, thì ngay sau khi hai bên ký kết Hợp đồng, bên mua (Công ty H) phải thanh toán 100% giá trị Hợp đồng số tiền là 114.642.000 đồng, bên bán (Công ty A) phải giao hàng tại địa chỉ và thời gian mà bên mua yêu cầu, nên ngày 22/01/2021, Công ty H đã thanh toán cho Công ty A số tiền là 114.642.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 110601275445 - Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh T. Công ty A cũng đã xuất hóa đơn GTGT số 0000691 tương ứng cho Công ty H.

Bị đơn xác nhận ngày 22/01/202, bị đơn đã nhận số tiền hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 là 114.642.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản từ phía Công ty H, đồng thời xác nhận đã không thực hiện việc bàn giao hàng hóa theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết, nên bị đơn nhất trí hoàn trả số tiền mua hàng mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn là 114.642.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn cũng xác nhận khoản tiền hàng mà nguyên đơn đã thanh toán trước cho bị đơn nhưng chưa được nhận hàng, đồng thời cũng xác nhận không thực hiện việc bàn giao hàng hóa theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế mà hai bên đã ký kết, nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền nguyên đơn đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng là: **114.642.000 đồng.**

[5]. ***Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi theo Hợp đồng Kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021:***

[5.1]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Nguyên đơn căn cứ vào Điều 306 Luật Thương Mại 2005, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, căn cứ vào lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Q tại thời điểm giải quyết vụ án là 9% /năm, thời gian tính lãi từ ngày 22/01/2021 (ngày nguyên đơn chuyển khoản số tiền hàng cho bị đơn).

- Tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi về cách tính lãi suất như sau: Nguyên đơn căn cứ vào Điều 306 Luật Thương Mại 2005, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và theo quy định thì lẽ ra nguyên đơn phải áp dụng lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm Tòa án xét xử, nhưng nguyên đơn chưa thu thập được và tự nguyện tính lãi suất là 10 % / năm. Trường Hợp Hội đồng xét xử thu thập lãi suất trung bình nợ quá hạn của 3 ngân hàng nhà nước tại thời điểm xét xử có cao hơn thì nguyên đơn vẫn tự nguyện chỉ tính lãi suất là 10% /năm.

Về thời điểm trả lãi: Nguyên đơn đồng ý với quan điểm của bị đơn là tính lãi từ ngày bị đơn có Công văn số 0903/CV-ATA ngày 09/3/2021 xác nhận không giao được hàng hóa theo Hợp đồng kinh tế ngày 20/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2022), nguyên đơn tạm tính:

114.642.000 đồng x 10%/năm x 16 tháng 05 ngày = 15.233.252 đồng.

Như vậy tổng số tiền hàng nguyên đơn đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng và tiền lãi do chậm thanh toán là:

114.642.000 đồng + 15.233.252 đồng = **129.875.252 đồng**

[5.2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng nhất trí về cách tính lãi, lãi suất và thời điểm tính lãi của nguyên đơn và cũng xác nhận trách nhiệm trả lãi đối với

khoản tiền hàng mà nguyên đơn đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng.

- Tại phiên Tòa, bị đơn và nguyên đơn nhất trí với lãi suất mà nguyên đơn áp dụng là 10% / năm, còn về thời điểm tính lãi thì bị đơn cũng đồng ý tính từ ngày bị đơn có văn bản xác nhận không giao được hàng cho nguyên đơn là ngày 09/3/2021.

[**5.3].** Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo quy định tại Hợp đồng mua bán ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021, do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi đối với khoản mà nguyên đơn đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương Mại, nên có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ để xác định lãi suất, nên Hội đồng xét xử áp dụng Án lệ số 09/2016/AL ngày 17/10/2016; Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi , lãi suất phạt vi phạm và Điều 306 Luật Thương Mại để tính lãi trên có sở thu thập lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Theo quyết định số 3518/NHNo-KHNV ngày 22/4/2021 của Ngân hàng A1 thì lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng A1 tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 8,5 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (12,75 %)

- Theo Công văn số 066/TGĐ-NHCT3 ngày 10/01/2022 của Ngân hàng V thì lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng V tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 8,5 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (12,75 %)

- Căn cứ Quyết định số: 1159/QĐ-VCB-ALM ngày 06/7/2021 của Ngân hàng V1 về việc công bố lãi suất cho vay Việt Nam đồng đối với các tổ chức kinh tế thì lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng V1 tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 7 %/năm. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn (10,5 %).

Như vậy lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm là 12 %/ năm.

- Về thời hạn tính vi phạm: Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Điều 2 của Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 quy định: " Thời gian giao hàng theo yêu cầu của bên mua" , như vậy trong Hợp đồng hai bên đã không thỏa thuận rõ ngày giao hàng mà chỉ quy định chung là theo yêu cầu của bên mua, nguyên đơn cũng không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng mình ngày nguyên đơn yêu cầu bên mua phải giao hàng, nên không thể áp dụng ngày nguyên đơn chuyển tiền hàng để tính lãi chậm trả.

- Tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán trên quy định về trễ hạn và phạt: ".... Nếu bên bán bàn giao hàng chậm và thời gian triển khai lắp đặt chuyển giao công nghệ hệ

thống kéo dài quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn triển khai hệ thống thì bên mua có quyền hủy Hợp đồng và niêm phong tại chỗ toàn bộ số hàng hóa ....” . Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng mua bán mà hai bên ký kết thì các bên không quy định về thời gian giao hàng , thời gian triển khai lắp đặt chuyển giao công nghệ hệ thống.

Điều 37 Luật Thương mại năm 2005 quy định:

“ 1. Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thỏa thuận trong Hợp đồng

2. Trường hợp chỉ thỏa thuận về thời gian giao hàng mà không xác định thời điểm giao hàng cụ thể thì bên bán có quyền giao hàng vào bất cứ thời điểm nào trong thời hạn đó và phải thông báo trước cho bên mua

3. Trường hợp không có thỏa thuận về thời hạn giao hàng thì bên bán phải giao hàng trong một thời hạn hợp lý sau khi giao kết hợp đồng.”

Như đã phân tích ở trên, các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao hàng, không xác định thời điểm giao hàng cụ thể mà chỉ quy định phạt nếu bên bán chậm giao hàng quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn triển khai hệ thống. Ngày hết hạn triển khai hệ thống cũng không được hai bên chứng minh là ngày nào. Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận B cho rằng ngày 11/3/2022, nguyên đơn có công văn gửi bị đơn và cho thời hạn 03 ngày để thực hiện các phương án mà nguyên đơn đưa ra, như vậy thời hạn tính lãi được tính vào ngày 14/3/2022. Tại phiên Tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí về thời gian tính lãi và lãi suất của số tiền hàng nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn nhưng chưa được nhận hàng là bị đơn có công văn xác nhận không giao hàng được cho nguyên đơn (ngày 09/3/2021), nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận này giữa các bên đương sự, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ tính lãi 10 %/ năm và xác định thời điểm tính lãi đối với số tiền hàng đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng là ngày 09/3/2021 cho đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 14/7/2022) là 16 tháng 05 ngày.

114.642.000 đồng x 10%/năm x 16 tháng 05 ngày = **15.233.252 đồng**

[**6**]. ***Xét về yêu cầu phản tố của bị đơn:***

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn phải khấu trừ khoản nợ do người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc H1 còn nợ Công ty A là: 177.600.000 đồng vào khoản tiền hàng và tiền lãi do chậm thanh toán mà bị đơn phải thánh toán trả cho nguyên đơn theo Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021.

- Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì cả 02 khoản vay nợ trên của ông Hoàng Ngọc H1 là khoản vay cá nhân giữa ông H1 với Công ty A, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc việc ông H1 vay nợ để sử dụng vào hoặt đồng kinh doanh của Công ty H, không phát sinh trực tiếp tại Hợp đồng kinh tế ATA/247H/20012021.

Tại phiên Tòa bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố vì xác nhận tổng số tiền 177.600.000 đồng là tiền vay nợ giữa cá nhân ông Hoàng Ngọc H1 với Công ty A, không liên quan gì đến Hợp đồng kinh tế mà Công ty A và Công ty H, nên sẽ khởi kiện cá nhận ông H1 bằng vụ kiện Dân sự khác. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy đình tại điểm c Khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[8]. Về án phí KDTM sơ thẩm:

* Công ty Cổ phần tập đoàn H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Công ty TNHH Kỹ Nghệ A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là:

129.875.252 đồng x 5 %= 6.493.763 đồng

- Công ty TNHH Kỹ Nghệ A có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố. Do Công ty TNHH Kỹ Nghệ A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 6.493.763 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí của yêu cầu phản tố đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai thu số 0068043 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cụ thi hành án Dân sự quận B, nên còn phải nộp tiếp số tiền là:1.993.763 đồng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 2 Điều 217; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24; Điều 34; Điều 37, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần tập đoàn H đối với Công ty TNHH Kỹ Nghệ A.

2. Buộc Công ty TNHH Kỹ Nghệ A phải trả cho Công ty Cổ phần tập đoàn H tổng số tiền hàng đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng theo Hợp đồng kinh tế

ATA/247H/20012021 ngày 20/01/2021 và tiền lãi do chậm thanh toán là: **129.875.252 đồng** (Một trăm hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi hai đồng). Trong đó, số tiền hàng đã thanh toán nhưng chưa được nhận hàng là: **114.642.000 đồng** (Một trăm mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng); tiền lãi do chậm thanh toán là: **15.233.252 đồng** (Mười lăm triệu hai trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

3. Đình chỉ Toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Kỹ Nghệ A đối với Công ty Cổ phần tập đoàn H.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền trả lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian thi hành án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần tập đoàn H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0067886 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự quận B.

- Công ty TNHH Kỹ Nghệ A phải chịu kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.493.763 đồng (Sáu triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm sáu ba đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0068043 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cụ thi hành án Dân sự quận B, nên còn phải nộp tiếp số tiền là: 1.993.763 đồng (Một triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng).

7 . Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận B;*
- *Chi cục THA DS quận B;*
- *TAND TP. H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang